TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH BẢO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 72/HNGĐ-ST
Ngày 23-8-2024
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Tâm

Ông Nguyễn Văn Quyết

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Ly Ly - Thư ký Toà án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện VB tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2024 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lương Thị S; nơi cư trú: Thôn TH, xã ĐM, huyện VB, thành phố Hải Phòng; có mặt

- *Bị đơn*: Ông Phạm Xuân C; nơi cư trú: Thôn TH, xã ĐM, huyện VB, thành phố Hải Phòng; có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Lương Thị S trình bày: Bà và ông Phạm Xuân C kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 18-3-1989 tại Ủy ban nhân dân xã ĐM, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống ông bà hòa thuận đến năm 2010 thì xảy ra mâu thuẫn do ông C đánh đập đập bà. Từ tháng 3/2024 đến nay vợ chồng ông bà sống ly thân mỗi người ở môt nơi, không quan tâm đến nhau, đối xử với nhau lạnh nhạt. Mâu

thuẫn giữa ông bà đã được gia đình hòa giải nhưng không đạt kết quả. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Phạm Xuân C.

Về con chung: Bà và ông Phạm Xuân C có 04 con chung là Phạm Thị D, sinh ngày 14-6-1991, Phạm Thị D, sinh ngày 09-10-1995, Phạm Thị D, sinh ngày 24-8-2002 hiện nay đều đã trưởng thành và Phạm Đ A, sinh ngày 02-3-2012. Khi ly hôn, bà đề nghị Tòa án giao con chung Phạm Đ A cho bà trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con bà xin tự giải quyết với ông C.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và trong quá trình xét xử, ông Phạm Xuân C xác nhận về điều kiện hoàn cảnh kết hôn như bà Lương Thị S trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách không hòa hợp, mặt khác bà S coi thường ông nên vợ chồng đã xảy ra bất hòa. Từ đầu năm 2024 đến nay bà S đã đến gia đình chị gái ở cùng thôn sinh sống, ông đã tìm bà S nhưng bà không trở về đoàn tụ gia đình, vợ chồng ông bà sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay bà S xin ly hôn ông không đồng ý.

Về con chung: Ông và bà Lương Thị S có 04 con chung là Phạm Thị D, sinh ngày 14-6-1991, Phạm Thị D, sinh ngày 09-10-1995, Phạm Thị D, sinh ngày 24-8-2002 hiện nay đều đã trưởng thành và Phạm Đ A, sinh ngày 02-3-2012. Trường hợp vợ chồng ly hôn, ông đề nghị Tòa án giao con chung Phạm Đ A cho ông trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con ông xin tự giải quyết với bà S.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đồng thời phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng; thu thập chứng cứ. Các đương sự đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Lương Thị S được ly hôn ông Phạm Xuân C. Về con chung: Giao con chung là Phạm Đ A, sinh ngày 02-3-2012 cho ông Phạm Xuân C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của

pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con ông C và bà S tự giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Bà Lương Thị S và ông Phạm Xuân C không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Bà S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Ông Phạm Xuân C có hộ khẩu thường trú tại Thôn TH, xã ĐM, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án ly hôn giữa bà Lương Thị S và ông Phạm Xuân C thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng.

- Về nội dung vụ án:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lương Thị S và ông Phạm Xuân C kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã ĐM, huyện VB, thành phố Hải Phòng vào ngày 18-3-1989 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, ông bà hoà thuận được thời gian đầu và có 04 con chung, mâu thuẫn phát sinh do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách không hòa hợp nên đã xảy ra bất hòa. Nay bà S xác định tình nghĩa vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, bà đề nghị được ly hôn ông C. Quá trình giải quyết vụ án, ông C không đồng ý ly hôn. Qua xác minh thì thấy, vợ chồng bà Lương Thị S và ông Phạm Xuân C có mâu thuẫn, từ đầu năm 2024 đến nay vợ chồng ông bà sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Yêu cầu của bà Lương Thị S xin ly hôn ông Phạm Xuân C phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình được chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà Lương Thị S và ông Phạm Xuân C có 04 con chung là Phạm Thị D, sinh ngày 14-6-1991, Phạm Thị D, sinh ngày 09-10-1995, Phạm Thị D, sinh ngày 24-8-2002 hiện nay đều đã trưởng thành và Phạm Đ A, sinh ngày 02-3-2012. Khi ly hôn, bà S và ông C cùng đề nghị Tòa án giao con chung Phạm Đ A cho ông bà trực tiếp nuôi dưỡng. Xét yêu cầu đề nghị nuôi con của ông bà, Hội đồng xét xử nhận định: Ông C có nơi ở và thu nhập ổn định đủ điều kiện để nuôi con, mặt khác cháu Phạm Đ A, sinh ngày 02-3-2012 đang ở với ông C và có nguyện vọng xin ở với bố. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, cần chấp nhận yêu cầu của ông C, giao con chung Phạm Đ A, sinh ngày 02-3-2012

cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Việc cấp dưỡng nuôi con bà S và ông C tự giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Bà Lương Thị S và ông Phạm Xuân C không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Lương Thị S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Lương Thị S được ly hôn ông Phạm Xuân C.

2. Về con chung: Giao con chung Phạm Đ A, sinh ngày 02-3-2012, cho ông Phạm Xuân C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con bà Lương Thị S và ông Phạm Xuân C tự giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Bà Lương Thị S và ông Phạm Xuân C không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Lương Thị S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Bà S đã nộp tạm ứng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện VB theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009291 ngày 11 tháng 4 năm 2024. Bà Lương Thị S đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện VB;
- VKSND thành phố Hải Phòng
- TAND Thành phố Hải Phòng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện VB;
- Ủy ban nhân dân xã ĐM, huyện VB, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thương Huyền